

Số: 13 /2026/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 04 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng
giao thông và hạ tầng kỹ thuật do Sở Xây dựng quản lý
bằng nguồn ngân sách thành phố Hải Phòng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải Quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 358/TTr-SXD ngày 18 tháng 11 năm 2025, Văn bản số 1909/SXD-QLHTKT ngày 25 tháng 02 năm 2026;



Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định Quy định về cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông và hạ tầng kỹ thuật do Sở Xây dựng quản lý bằng nguồn ngân sách thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết về cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt), hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các đô thị do Sở Xây dựng quản lý sử dụng ngân sách thành phố Hải Phòng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc tổ chức thực hiện và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt), hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các đô thị do Sở Xây dựng quản lý sử dụng ngân sách thành phố Hải Phòng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hạ tầng kỹ thuật đô thị bao gồm: công viên, cây xanh đô thị; chiếu sáng đô thị, nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ) và cơ sở hỏa táng; thoát nước và xử lý nước thải đô thị; công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

2. Sản phẩm, dịch vụ công có tính chất thường xuyên là tập hợp các nhóm công việc, thao tác kỹ thuật được tiến hành thường xuyên và các hoạt động quản lý cần thiết nhằm phòng ngừa và khắc phục kịp thời những hư hỏng nhỏ của công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật; các công việc này thực hiện theo định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quản lý, bảo dưỡng thường xuyên trong lĩnh vực giao thông, xây dựng của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Sản phẩm, dịch vụ công có tính chất không thường xuyên là các công việc, công trình, dự án sửa chữa theo định kỳ hoặc đột xuất; thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện hành như đối với các dự án đầu tư xây dựng.

Điều 4. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên do Sở Xây dựng quản lý

1. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bao gồm:

a) Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ.

b) Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.

c) Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

d) Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay.

đ) Dịch vụ chiếu sáng đô thị.

2. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công

Phân cấp cho Sở Xây dựng quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo danh mục quy định tại Điều 4 Quyết định này.

Điều 6. Phương pháp xác định dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công có tính chất không thường xuyên

Thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện hành như đối với các dự án đầu tư xây dựng.

Điều 7. Phương pháp xác định dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công; định mức kinh tế kỹ thuật, chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công, số lượng, khối lượng khi xác định dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công có tính chất thường xuyên

1. Phương pháp xác định dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công

a) Phương pháp xác định dự toán, giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và dịch vụ vận hành khai thác bên phà đường bộ áp dụng như đối với hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương quy định tại Thông tư số 39/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

b) Phương pháp xác định dự toán, giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì đường thủy nội địa áp dụng như đối với đường thủy nội địa sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương quy định tại Thông tư số 38/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 23/2022/TT-BGTVT ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

c) Phương pháp xác định dự toán, giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt áp dụng như đối với hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-BGTVT ngày 21 tháng 5 năm 2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 25/2023/TT-BGTVT ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

d) Phương pháp xác định dự toán, giá dịch vụ sự nghiệp công tại điểm d, điểm đ, khoản 1, Điều 4 Quyết định này áp dụng theo quy định tại Thông tư số



12/2024/TT-BXD ngày 18 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị.

e) Chi phí quản lý dự án theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu theo Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ; chi phí khảo sát lập dự toán theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; chi phí lập hồ sơ phương án giá lấy theo chi phí lập dự toán quy định tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; các chi phí khác (nếu có) theo các quy định hiện hành.

2. Định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng khi xác định dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công:

a) Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, vận hành khai thác bến phà đường bộ áp dụng định mức ban hành kèm theo Thông tư số 44/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Định mức công tác sửa chữa công trình giao thông trong đô thị ban hành kèm theo Quyết định số 1149/QĐ-BXD ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Bộ Xây dựng; Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCVN 14182:2024; Định mức quản lý, bảo trì một số công trình đường bộ trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; các quy trình bảo trì công trình và các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có).

b) Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa áp dụng Định mức kinh tế kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT-BGTVT ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; các quy trình bảo trì công trình và các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có).

c) Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt áp dụng định mức ban hành kèm theo Thông tư số 59/2024/TT-BGTVT ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; các quy trình bảo trì công trình và các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có).

d) Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đối với các dịch vụ tại điểm d, điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Quy định này áp dụng bộ đơn giá, định mức

dịch vụ công ích năm 2022 được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tại các Quyết định: số 704/QĐ-UBND, số 705/QĐ-UBND, số 706/QĐ-UBND, số 707/QĐ-UBND, số 708/QĐ-UBND, số 709/QĐ-UBND, số 710/QĐ-UBND, số 711/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022; trường hợp các công việc cần phải thực hiện nhưng không có trong bộ đơn giá, định mức trên thì áp dụng định mức hiện hành của Bộ Xây dựng; định mức kinh tế - kỹ thuật, quy trình bảo trì công trình và các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có).

3. Chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công khi xác định dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công:

a) Chi phí vật liệu theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; giá vật liệu theo công bố giá hàng tháng của Sở Xây dựng.

b) Chi phí nhân công theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn thực hiện Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện. Trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố chưa có hướng dẫn thực hiện Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 cho dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị áp dụng giá nhân công theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về đơn giá nhân công trên địa bàn thành phố.

c) Chi phí máy thi công theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; hao phí ca máy cho các phương tiện chuyên dùng trong công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa theo Thông tư số 12/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 3 năm 2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

4. Về số lượng, khối lượng khi xác định dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công

a) Số lượng, khối lượng các công tác thuộc sản phẩm, dịch vụ công có tính chất thường xuyên phải đảm bảo duy trì tiêu chuẩn kỹ thuật, khả năng vận hành khai thác công trình, yêu cầu về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng và khả năng cân đối nguồn vốn hàng năm.

b) Khối lượng để tính giá sản phẩm, dịch vụ công được lập theo giai đoạn quy định tại khoản 1, Điều 8 Quyết định này được tính như sau: Số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công của 01 năm đầu phải được xác định bảo đảm theo quy định tại điểm a khoản này; các năm tiếp theo dự kiến khối lượng phù hợp với



định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương theo giai đoạn hoặc tạm tính tăng so với năm trước là 5%/năm. Khi có dự toán chi được giao cho năm tiếp theo trong giai đoạn, việc lập, phê duyệt dự toán, giá sản phẩm dịch vụ công chi tiết của năm đó theo chế độ chính sách, giá nguyên nhiên vật liệu tại thời điểm được giao kế hoạch làm cơ sở ký phụ lục hợp đồng thực hiện của năm đó.

Điều 8. Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, thời gian thực hiện

1. Đối với các sản phẩm, dịch vụ công có tính chất thường xuyên

a) Việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện như việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự toán mua sắm;

b) Thời gian thực hiện gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công có tính chất thường xuyên được xác định phù hợp với đặc điểm từng loại dịch vụ, tối đa 03 năm; việc giao dự toán chi, bố trí kinh phí, thanh toán và quyết toán được thực hiện theo từng năm ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với các sản phẩm, dịch vụ công có tính chất không thường xuyên

a) Việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện như việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án đầu tư xây dựng;

b) Thời gian thực hiện gói thầu tối đa là 02 năm.

c) Trên cơ sở công việc, danh mục dự án được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận, Sở Xây dựng tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án, công trình theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

3. Việc tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, đường thủy nội địa, hạ tầng kỹ thuật của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 9. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công có tính chất thường xuyên

1. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công có tính chất thường xuyên

a) Thời gian thực hiện gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công có tính chất thường xuyên được xác định phù hợp với đặc điểm từng loại dịch vụ, tối đa 03 năm;

b) Chậm nhất vào thời điểm lập dự toán ngân sách hàng năm của năm tài chính đầu tiên thuộc giai đoạn thực hiện gói thầu, Sở Xây dựng lập dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công cho toàn bộ thời gian thực hiện gói thầu và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

c) Vào thời điểm lập dự toán ngân sách hàng năm, căn cứ dự toán nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước của giai đoạn được phê duyệt, Sở Xây dựng xây dựng dự toán kinh phí ngân sách cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, cân đối dự toán các cơ quan, đơn vị, dự toán ngân sách địa phương theo quy định.

d) Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận tờ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố có quyết định phê duyệt dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công cho toàn bộ thời gian thực hiện gói thầu.

đ) Căn cứ dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Sở Xây dựng lựa chọn phương thức đặt hàng, giao kế hoạch, đấu thầu theo thẩm quyền tại Điều 5, Quyết định này và tổ chức triển khai thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công và lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ công có tính chất thường xuyên, bảo đảm việc thực hiện các dịch vụ công được liên tục, không gián đoạn.

e) Sở Xây dựng có trách nhiệm thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công bảo đảm thời gian, tiến độ yêu cầu; trường hợp không bảo đảm tiến độ có phương án điều chỉnh, tổng hợp giải trình nêu rõ lý do báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi và gửi các bên liên quan phối hợp thực hiện.

2. Khi có sự thay đổi về chế độ, chính sách, tình hình thực tế (sửa đổi, bổ sung công việc, khối lượng thực hiện) phát sinh nhu cầu điều chỉnh dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công đã được phê duyệt, Sở Xây dựng căn cứ khả năng đáp ứng nguồn vốn theo dự toán chi được giao, tổ chức khảo sát, lập hồ sơ điều chỉnh dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công.

3. Phê duyệt điều chỉnh dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công trong thời gian thực hiện gói thầu.

a) Phân cấp cho Sở Xây dựng thực hiện phê duyệt điều chỉnh dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công đối với trường hợp không vượt dự toán của toàn bộ thời gian thực hiện gói thầu đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Trường hợp dự toán, giá sản phẩm, dịch vụ công điều chỉnh vượt dự toán của toàn bộ thời gian thực hiện gói thầu đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Sở Xây dựng chủ trì cùng Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2026 và thay thế Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy



ban nhân dân tỉnh Hải Dương sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021 về cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với dịch vụ sự nghiệp công đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ, đặt hàng, đã tổ chức đấu thầu áp dụng thực hiện theo các văn bản có hiệu lực trước ngày văn bản này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc nhiệm vụ được giao, thanh lý hợp đồng đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo quy định.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Xây dựng căn cứ quy định của pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn được giao để chỉ đạo thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 12;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- VP TU, VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Báo và phát thanh, truyền hình HP;
- Công báo thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- Phòng: XD&CT, TC, NV&KTGS;
- Lưu: VT, N.D.Long.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân